VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 1297/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 291/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với chế độ công tác phí:

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính

trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 9 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Một số mức chi cụ thể về công tác phí

1. Thanh toán chi phí đi lại:

a) Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,25 được thanh toán theo hoá đơn thực tế tiền vé máy bay hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (như: Premium, Deluxe, Plus, Flex,…). Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông thì được mua vé máy bay hạng thương gia khi đáp ứng được các nội dung sau:

- Bảo đảm phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị.

- Có văn bản minh chứng rằng phát sinh yêu cầu công tác đột xuất; Bộ phận văn phòng/hành chính của cơ quan, đơn vị xác nhận đã không mua được các hạng vé phổ thông, kèm minh chứng (ảnh chụp màn hình kết quả tìm kiếm vé trên trang thông tin điện tử chính thức của ít nhất 02 hãng hàng không hoặc đại lý cấp 1 tại thời điểm đặt vé) xác định các hạng vé phổ thông có thể đặt không đáp ứng thời gian công tác.

b) Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác:

- Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú:

a) Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).

- Trường hợp đi công tác trong tỉnh (căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương):

+ Trong ngày (đi và về trong ngày):

Đi công tác vùng đồng bằng: Từ 5 km đến dưới 20 km: 90.000đồng/người/ngày; Từ 20 km đến dưới 30 km: 100.000đồng/người/ngày; Từ 30 km trở lên: 150.000đồng/người/ngày.

Đi công tác vùng biên giới: Từ 5 km đến dưới 20 km: 100.000đồng/người/ngày; Từ 20 km đến dưới 30 km: 150.000đồng/người/ngày; Từ 30 km trở lên: 200.000đồng/người/ngày.

+ Nghỉ qua đêm:

Đi công tác vùng đồng bằng: Từ 5 km đến dưới 20 km: 120.000đồng/người/ngày; Từ 20 km đến dưới 30 km: 150.000đồng/người/ngày; Từ 30 km trở lên: 200.000đồng/người/ngày.

Đi công tác vùng biên giới: Từ 5 km đến dưới 20 km: 150.000đồng/người/ngày; Từ 20 km đến dưới 30 km: 200.000đồng/người/ngày; Từ 30 km trở lên: 300.000đồng/người/ngày.

- Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh:

+ Đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày): 200.000đồng/người/ngày.

+ Đi công tác nghỉ qua đêm: 300.000đồng/người/ngày.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hình thức khoán:

a) Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên: Mức chi là 1.600.000 đồng/ngày/người.

b) Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2: Mức chi là 800.000 đồng/ngày/người khi đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương và 600.000 đồng/ngày/người khi đi công tác tại các tỉnh còn lại.

c) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

Trường hợp đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: Mức chi là 600.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp đi công tác tại các tỉnh còn lại: Mức chi là 500.000 đồng/ngày/người.

4. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo hóa đơn thực tế:

a) Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,30: Mức chi là 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng khi đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương và 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng khi đi công tác tại các tỉnh còn lại.

b) Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,2: Mức chi là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng khi đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương và 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng khi đi công tác tại các tỉnh còn lại.

c) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

- Trường hợp đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: Mức chi là 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

- Trường hợp đi công tác tại các tỉnh còn lại: Mức chi là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

- Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng).

5. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

a) Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời vẫn

được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

Điều 3. Một số mức chi tổ chức hội nghị

1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên; chi cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

3. Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người;

b) Riêng cuộc họp do xã, phường tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

5. Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp:

Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này).

6. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

7. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 tháng 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá X, Kỳ họp thứ 3 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (VP.UBND tỉnh);
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng